

CẢM XÚC TÂM LINH ĐẦU XUÂN

HUỆ LÂM

TÓM TẮT

Bằng vào hồi cố về cách tiếp cận chư Phật và thần linh liên quan đến ngôi chùa, qua đó nói lên một số ý nghĩa căn bản của đạo Phật và cách thức đi lễ chùa đầu xuân, cùng cách bài trí ban thờ theo bản chất trí tuệ của Đạo.

Từ khóa: chùa; ban thờ; hương; nến.

ABSTRACT

By retrospective approach to Buddha gods and relevant spirits to pagoda, the author discusses some basic meanings of Buddhism, and new year pagoda visits, as well as altar decoration in accordance with the intelligence of Buddhism.

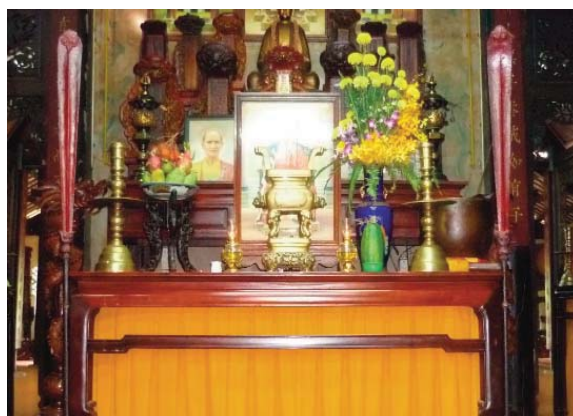
Key words: pagoda; altar; incense; candle.

Năm ấy, giao thừa, trong tiếng lao xao của đất trời, tôi như nghe thấy lời đã biệt nức nở của mùa đông hòa cùng bản trường ca rộn rã của xuân mới. Bầu trời như bùng sáng, ông tôi ra mở cửa đón khí dương về. Rồi, Người quay vào thắp ba nén hương thơm cắm lên bàn thờ. Một làn khói như hờ hững, vô tình cuộn tròn, chờ theo lời nguyện cầu của chúng tôi bay về miền bất tận. Hình như tổ tiên về!

Nguồn vui muôn thuở vô duyên cứ ùa vào mọi tâm hồn, chúng tôi hội họp chúc phúc cho tất cả mọi người từ già tới trẻ, với những bao "li xì" màu đỏ, một màu sinh khí thiêng liêng. Vui giao thừa, chúng tôi nghĩ tới việc đi chúc tết họ hàng và nhất là những cuộc "tiếp xúc" với thánh/thần, một thể lực được coi như luôn trợ giúp chúng tôi trong suốt cuộc đời. Đêm khuya thanh vắng, tiếng chuông chùa chiêu nguyện. Tĩnh tâm lại, tôi nghĩ đến những điều tốt đẹp nhất theo lời dạy của Đức Phật để nguyện đến mai, sau khi lễ tổ tiên thì cuộc hành hương được bắt đầu. Con đường tâm tưởng đưa chân chúng tôi tới chùa làng. Trên đường đi, những tiếng Mô Phật (Nam mô A Di Đà Phật) râm ran như tiếng chào nhau, như khai mở thiện căn, nhắc nhở chúng ta núp bóng áo Cà sa của Đức Phật. Theo

chân ông tôi đi qua "Giả quan" (cửa đời, ở bên phải người vào tam quan chùa). Ông bảo rằng, *Quan* ở đây là cửa, cũng mang nghĩa là nhận thức. Giả quan không phải là giả tạo, mà là giả tạm, tức nhận thức về sự tồn tại của muôn loài, muôn vật, đã có sinh là có diệt thông qua quy luật thường hằng "sinh - trụ - di - diệt". Có hiểu như vậy, người có trí tuệ và tâm đạo mới không run sợ trước những tất yếu của cuộc đời. Ông tôi còn giảng giải, đối xứng bên kia là "Không quan", tức cửa nói về cốt lõi, bản thể của đạo. Chúng tôi bưng tỉnh, mới biết rõ thế nào là "không tức thị sắc, sắc tức thị không", để hiểu Phật có nghĩa là trí tuệ mà tượng trưng bằng chính cửa giữa, từ đó dẫn chúng sinh vào "Nhất chính đạo" (con đường duy nhất dẫn tới giác ngộ/giải thoát). Đột nhiên tôi ngộ ra, lên chùa là để tìm lại bản thể chân tâm, tức Phật tâm của chính mình, là hướng tới điều thiện trên nền tảng trí tuệ, vì người cũng như vì mình... Cửa chùa không có chỗ để con người cầu xin những điều thuộc dục vọng (vật chất đơn thuần). Theo sự hiểu biết ấy, chúng tôi bước vào tiền đường, với tâm thanh, lòng tĩnh. Sự cụ trong chùa, vừa như thầy, vừa như bạn ông tôi, chỉ dẫn cho chúng tôi bước vào cửa bên phải của chúng tôi (tức bên trái chùa). Người chỉ cho chúng

tôi vào lễ ở ban thờ của Đức Ông. Một nén tâm hương được thắp lên với lời kính cáo đầu xuân xin vào lễ Phật. Chúng tôi khai tên tuổi, địa chỉ và những ước vọng thầm kín ở trong tâm bằng những lời vô thanh, bởi với thần linh nơi cửa Phật thì mối tiếp xúc/liên hệ này dựa trên nền tảng “tâm truyền tâm” là căn bản. Khói hương bay thẳng lên phía trên như chứng giám lời nguyện cầu, từ đó, chúng tôi bước tới ban thờ giữa. Một lòng thành thiết tha, tay chắp trước ngực theo ấn phổ lễ, lòng kính thuận ngược lên Phật đài. Ở cõi thiêng liêng ấy, vẫn có Tam thế, Di Đà..., nhưng ngày này, chúng tôi quan tâm nhiều đến Đức Phật Thích Ca cầm bông hoa sen giơ lên và đầu đó là lời dạy về “Tự tính trạm viên” của Đức Phật (tự mình tìm lấy Phật tâm trong chính mình để giác ngộ). Muốn vậy, “hãy vén đám mây mù ngu tối che đậy thân tâm thì tự nhiên ánh sáng trí tuệ sẽ rọi tới”, nhờ đó mới tiếp cận được tới chân lý. Theo lời chỉ dẫn của sư cụ, tâm có tĩnh thì tuệ mới sinh, nên trước ban thờ Phật, thành tâm kết ấn phổ lễ, chúng tôi không vái liên tục như ở bên đình hoặc đền. Ngày xuân đông người tới lễ, nhờ tịnh tâm nên cửa chùa không ồn ào mà yên ả, thanh cao như thoát khỏi trần ai. Một lúc sau, đoàn vải già theo nhà sư vào tụng kinh cầu phúc năm mới. Tôi đứng lặng yên, chìm trong tiếng chuông, tiếng mõ, nghe sao thanh khiết tới vô cùng. Những vải già chỉ cúi lạy khi mỗi thời kinh kết thúc theo nhịp của chuông gia trì. Ngày xuân mà ban thờ vẫn thanh cao. Sư cụ chỉ cho chúng tôi hiểu rằng, ban thờ là thế giới của tầng trên, cần phải được thanh tịnh tuyệt đối, nên một ai đó, như vô tình đem đồng tiền trần gian để lên bàn thờ, thì chú tiểu đã ra nhặt ngay lấy rồi bỏ vào hòm công đức, nhằm tránh sự uế trước cho cõi thiêng liêng. Nhân đó, chúng tôi hỏi nhà sư về nguyên tắc bày bàn thờ. Ngài chỉ bảo rằng, đó là thế giới trong sạch tuyệt đối của Đức Phật và các thần/thánh, nên mọi thứ đặt trên bàn thờ đều mang giá trị biểu tượng: Ở hai góc ngoài của bàn thờ là hai cây đèn, hoặc nến, tượng trưng cho mặt trời, mặt trăng. Bát hương ở chính giữa, sát mép ngoài bàn thờ, với những cây hương như tượng cho tinh tú. Tất cả hương nến đều phải có lửa và khói, vì truyền thống của nhân loại cho rằng, khi có lửa thì có khói, mà khói bao giờ cũng bay lên, nên người ta sớm nhận ra cách dùng khói để tiếp cận với thần linh, nhờ khói để chuyển tải những hình ảnh gợi ý và lời cầu nguyện lên các “đấng vô cùng”. Và, hương



Một ban thờ tổ (chùa Phước Tường, Tp. Hồ Chí Minh) -

Ảnh: Tác giả

thơm gắn với sự tinh khiết, kính trọng, mà phương Đông đã xuất hiện hương, nến. Tuy nhiên, trong mối ứng xử này, tùy theo những cuộc lễ, theo tâm, mà hương được sử dụng khác nhau. Với lòng thành kính thiết tha, người Phật tử chỉ thắp một nén hương gọi là “tâm hương”. Tâm hương cũng bao hàm ngũ hương, đó là: “giới hương”: giữ được giới mà thơm, để tâm không vướng vào tà loạn, dẫn đến “định hương”, để tâm thanh, lòng tịnh, kiên định, nhờ đó mà trí tuệ phát sinh, dẫn tới “tuệ hương”, đưa tới giác ngộ, giải thoát, để mang nghĩa “giải thoát hương”, tiếp cận với niết bàn, nơi mà kẻ hành giả không chuyển lui mà ngày một tu trì tinh tấn hơn, gọi là “giải thoát tri kiến hương”... Trong bát hương còn có cây hương vòng. Đối với cư dân thờ mặt trời, thì hương vòng thường được đốt cháy theo chiều ngược kim đồng hồ, đó là chiều quay của chữ Vạn. Nhiều người không hiểu được yếu nghĩa này nên thắp hương vòng không chú ý đến chiều quay. Song, người tu hành cũng không cho rằng, đó là một sai lầm, bởi họ nghĩ, với chúng sinh thì “bất tri bất trách”, ít nhất hương vòng cũng tạo khói để tiếp cận với thần linh. Với kẻ thức giả thì hương vòng có hai tác dụng: một là để tiếp cận với tầng trên, nhưng đồng thời vòng quay của lửa cũng hội sinh khí vào đầu cột hương để truyền sinh lực xuống cho thế gian. Vì vậy, cây hương thường phải màu đỏ (màu sinh lực). Giữa cây hương là chữ Thọ cổ, cân phân hai phần như một thể âm dương đối đãi để phát sinh, phát triển. Nhiều khi, hai bên bát hương còn có hai ống hương để tạo thành bộ “ngũ sự”, ít khi có “thất sự” ở ban thờ Phật, mà có thể chỉ có ở đình hoặc đền. Sau bát hương là một “tam sơn” dưới dạng đế ba cấp giàn ngang để đỡ ba chiếc đài

có nắp. Trong mỗi đài thường có một chén nước thiêng, trong, để cầu phúc, xuất phát từ ước vọng của tư duy nông nghiệp. Hiện tượng có ba li nước là phản ánh về tâm lý cầu phúc, bởi số 3 là số lẻ; lẻ thì động; động thì chuyển; chuyển thì biến đổi; biến đổi thì phát triển, cho nên, khi cầu cho năm mới tốt đẹp hơn hay cầu một sự biến đổi tích cực nào đó, người ta thường thả ba nén hương.

Sau "tam sơn" là một đỉnh trăm ba chân, với một chân ở phía trước, hai chân ở phía sau, biểu tượng cho "chính nhân quân tử". Những chân của đỉnh thường là hình tượng của con Quỳ, một linh vật chỉ có một đầu và một chân, khi nó xuất hiện là điềm báo Thánh nhân xuất thế. Suy cho cùng, đó cũng là một biểu tượng ít nhiều gắn với trí tuệ. Trên nắp của đỉnh/lư thường có một con lân ngồi trong tư thế mặt quay ra, trường hợp này, lân đại diện cho sức mạnh tăng trên, cho sự trong sáng và trí tuệ. Vì thế, nó mang tư cách là linh vật kiểm soát tâm hồn kẻ hành hương. Thông thường, ban thờ Phật còn được bày một số đồ thờ khác, như "Đông bình, Tây quả". Sở dĩ nói Đông bình Tây quả vì ngôi chùa của người Việt thường quay hướng Nam, đó là hướng của Bát nhã, của trí tuệ. Đông bình chỉ cao khoảng xấp xỉ 70 - 80cm, với nhiều hoa văn đầy chất biểu tượng, nhưng bình này chỉ để không, hoặc đựng nước thiêng, trong, nhằm biểu hiện "tâm không" của nhà Phật, tức bản thể chân như, cốt tủy mang tính trí tuệ của đạo. Nhiều khi, chiếc bình này cũng có tại đền, đình, hay tại bàn thờ gia tiên (ít nhiều có ảnh hưởng của chùa) để nói lên bản thể cốt lõi của nhà thánh và của gia phong (truyền thống gia đình, dòng họ). Qua đó, chúng ta hiểu rằng, đông bình là đồ thờ, còn song bình thì hầu như ít có trong các công trình tín ngưỡng Việt. Trong những ngày hội và ngày tết, người xưa thường cắm ở bình này chín (số nhiều, số phiếm chỉ, vô hạn) bông huệ để tượng trưng cho trí tuệ, Phật pháp nhằm cứu độ chúng sinh. Với ngày xuân, có thể người ta chỉ cắm vào lọ này một cành đào mà không cắm cùng các hoa, lá khác, vì hoa đào như tinh tú, tượng cho bầu trời, cành đào như các cành thiên mệnh, hội lại ở thân đào như trục vũ trụ, để đem sinh lực tràn về trần gian, đem hạnh phúc tới muôn nhà. Những hoa lá khác nếu được cắm cùng thì sinh lực này dễ bị phân tán. Về Tây quả, được đặt trên một mâm bồng. Ở những ngày hội, những quả này phải đạt được những chuẩn của ngũ phương, ngũ hành để hạnh

phúc muôn nơi hội về. Đương nhiên, các quả này phải có nhiều hạt, nhiều múi, nhiều mắt, hoặc cả chùm, cả nải... để nói lên ý niệm sinh sôi, phát triển, cụ thể như:

- Nải chuối xanh thuộc phương Đông, hành Mộc;
- Quả dưa trắng thuộc phương Tây, hành Kim;
- Quả thanh long thuộc phương Nam, hành hỏa;
- Chùm nho sẫm màu thuộc phương Bắc, hành thủy;
- Quả bưởi hoặc Phật thủ thuộc Trung phương, hành thổ.

Trên bàn thờ còn điểm xuyên đôi lọ hoa tươi, song cũng có hoa chủ và các hoa khác để tượng trưng cho ngày và đêm.

Ban thờ chính, dùng cho Phật hay thánh/thần thường không để đồ mặn, mà chỉ gắn với đồ lục cúng: hương, hoa, đăng, trà, quả, thực. Ở những ngôi đình, đền, đồ mặn chỉ được đặt trên chiếc sập thờ sơn son, hoặc chiếc bàn tạm, thấp hơn ban thờ chính. Trong ban thờ gia tiên, người ta cũng buộc hai cây mía ở chân ngoài của ban thờ chính (chỉ rửa sạch, không chặt lá và rễ, để tổ tiên có thể từ tầng trên (bàn thờ trên) xuống thế gian (bàn thờ dưới) mà hưởng lộc mặn do con cháu thành kính dâng lên). Ở một số chùa, như chùa Phước Tường, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, vì cho rằng, tổ chùa là người chèo thuyền đưa chúng sinh về miền giác ngộ, nên còn buộc hai mái chèo ở chân trước ban thờ.

Tiếp cận với chư Phật, chư vị thần linh liên quan và với ban thờ, chúng ta như được một bài học tâm linh đầy tính truyền thống, mang một vẻ đẹp thánh thiện trong ngày đầu xuân mong được "trường xuân bách phúc" cho chúng sinh và cho chính mình. Chúng tôi định quay trở lại cửa khi vào để ra về, nhưng sự cụ chỉ cho chúng tôi đi ra cửa bên phải của tiền đường để hòa vào vòng quay của chữ Vạn (ngược chiều kim đồng hồ để sẽ được tinh tiến thiện căn, còn nếu đi ngược lại thì như bị thiêu đốt thiện căn). Phải chăng, đó là lời chúc phúc tuệ mà nhà chùa dành cho chúng tôi. Với tâm tư thanh thản, chúng tôi như phần nào hiểu thêm về đạo, qua "Cửa không" mà trở về./

H.L

(Ngày nhận bài: 04/01/2015; Ngày phân biện đánh giá: 16/01/2015; Ngày duyệt đăng bài: 18/01/2015).